TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22 /2021/DS-PT Ngày 12 - 01 - 2021 V/v tranh chấp "Hợp đồng thuê khoán tài sản, bồi thường thiệt hại tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2020/TLPT-DS ngày 20/11/2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng thuê khoán tài sản, bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 145/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 593/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* : Ông Trần Văn M, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Khu P, xã H H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn L, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Khu P, xã H H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trần Văn L: Luật sư ông Lê Hoàng A - Văn phòng luật sư Hoàng A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn V, sinh năm 1941 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã H H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. Ủy ban nhân dân huyện B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Th - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (vắng mặt).

3. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Trưởng Phòng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Trần Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày:

Năm 2004 ông có bỏ tiền ra khai thác bãi bồi ven sông Tiền với diện tích khoản 3.000 m^2 thuộc ấp Khu P, xã H H, huyện B hợp tác với ông Nguyễn Văn Đìa để nuôi cá da trơn xuất khẩu, ông đầu tư chi phí tạo ao, ông Đìa đầu tư chi phí về cá giống, thức ăn, trả lương công nhân và các chi phí phát sinh khác. Do đất ao có phần liền kề với đất của ông Trần Văn V nên khi thu hoạch cá trừ chi phí thì ông Đìa hưởng 70%, ông hưởng 15% và ông V hưởng 15%, anh Trần Văn L là con ông V làm công nhận lương.

Năm 2012 nuôi cá thua lỗ nên treo ao, anh L hỏi ông nuôi, ông đồng ý, có thỏa thuận miệng mỗi người nuôi vài năm. Đến năm 2016 ông yêu cầu anh L giao ao lại cho ông, anh L không đồng ý cho rằng đã thuê với Ủy ban nhân dân huyện B. Trước đây, hai bên đã thỏa thuận miệng cùng đồng sở hữu mỗi người nuôi vài năm nên ông để cho anh L đại diện ký hợp đồng, nhưng anh L đã tước quyền đồng sở hữu thuê đất của ông nên ông khởi kiện. Theo bản án sơ thẩm số 88/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử không chấp nhận yêu cầu của ông, ông kháng cáo. Theo bản án phúc thẩm số 275/2019/DS-PT ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xử hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện B xét xử lại.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được tiếp tục thuê đất cùng anh Trần Văn L nhận quyền thuê đất từ ngày Tòa án xét xử lại bằng thời gian của anh L đã thuê trước đây từ năm 2020 đến năm 2028. Ông rút lại yêu cầu anh L phải tự xây lấp lại căn nhà kho có cấu trúc cột kèo cây quy cách, vách ván + tường, mái tôn, nền xi măng ngang 07m, dài 10m và 03 trụ điện cao 5m x 1 tấc vuông cùng dây điện 30 tại vị trí ban đầu.

* Bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

Cha anh là ông Trần Văn V có thửa đất số 1744, diện tích 3.705 m^2, tại ấp Khu P, xã H H, huyện B, phía đông giáp với rạch Khe Đức, phía Tây giáp với đất của ông Trần Văn M. Từ năm 1988 đến năm 1989 anh trồng bần khai thác bãi bồi ven sông giữ đất và đắp đê bao đào ao nuôi trồng thủy sản. Khi khai thác

sử dụng, Ủy ban nhân dân xã H H và Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu phải xin phép, do mới khai thác, canh tác chưa có kết quả nên kéo dài đến năm 2009 thì mới chính thức ký hợp đồng với Phòng tài nguyên và môi trường huyện B để thuê phần đất trên. Ông M cũng có phần đất vườn liền kề thửa đất của ông V ở phía Tây cũng có bãi bồi phía trước, nên năm 2004 thỏa thuận cùng anh phá vỡ ranh ngang giữa ao của ông M và ao của ông V thành một ao lớn dễ kêu gọi đầu tư nuôi cá, sau khi làm xong ông M gọi ông Đìa đầu tư, ông Đìa chịu chi phí như con giống, thức ăn, nhân công và các chi phí khác, sau thu hoạch trừ đi chi phí còn lại chia ông Đìa 70%, ông M 15% và anh 15%. Anh ký hợp đồng thuê ao với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B là ao ở phía đông của cá nhân anh khai thác cải tạo, không liên quan đến ao hùn nuôi cá với ông M.

Nay anh L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M. Anh rút lại yêu cầu phản tố, yêu cầu ông M chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc anh thực hiện quyền sử dụng đất đối với phần đất 2.965m^2 thuê của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B tại ấp Khu P, xã H H, huyện B trong việc ngăn ao và nuôi thủy sản.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn V trình bày:

Ông có thửa đất số 1744, diện tích 3.705 m^2, tọa lạc tại ấp Khu P, xã H H, huyện B; phía đông thửa đất số 1744 của ông giáp với rạch Khe Đức, còn phía Tây giáp với đất của ông Trần Văn M. Vào năm 2004 ông cho phần đất trên cho anh L canh tác và anh L có hợp tác với ông M và ông Đìa nuôi cá da trơn, đến năm 2012 thì làm ăn thua lỗ nên treo ao, còn ao ở phía Đông là do anh L thuê với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, phần ao này anh L khai thác từ năm 1988, đến năm 2009 mới làm hợp đồng thuê. Ao này không có hùn với ông M và ông xác định từ trước đến nay ông cũng không có hùn với ông M nuôi cá. Nay ông M yêu cầu anh L giao lại ao cho ông M canh tác thì ông không đồng ý.

2. Tại Công văn số 294/TNMT-TN ngày 23/6/2020, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B trình bày:

Ngày 10/8/2009, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4956/QĐ-UBND về việc cho thuê đất sản xuất nông nghiệp với nội dung cho ông Trần Văn L thuê 2.965m^2 đất tại cồn Cổ Lịch thuộc ấp H, xã H H, huyện B để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, thời gian thuê đất 12 năm kể từ ngày …tháng 7 năm 2009 đến ngày 31/12/2020. Ngày 31/8/2009 Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B ký hợp đồng thuê đất số 70/HDTĐ với ông L, vị trí ranh giới xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1, tỷ lệ 1/500, thời gian thuê kể từ ngày 10/8/2009 đến ngày 31/12/2020, việc cho thuê không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất. Hợp đồng thuê thể hiện bên cho thuê là Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B, bên thuê là ông Trần Văn L. Đến nay hợp đồng sắp hết hạn, trong hợp đồng không thể hiện người thừa kế.

3. Theo Công văn số 1565/UBND-NC ngày 13/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Ngày 10/8/2009, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 4956/QĐ-UBND về việc cho thuê đất sản xuất nông nghiệp. Tại Điều 1 của quyết định này: cho ông Trần Văn L thuê 2.965m^2 đất tại cồn Cổ Lịch thuộc ấp H, xã H H, huyện B, tỉnh Tiền Giang và khoản 2 Điều 2 của quyết định giao cho Phòng Tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện ký kết hợp đồng thuê đất đối với người thuê đất. Thực hiện Quyết định trên, ngày 31/8/2009 Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B ký hợp đồng thuê đất số 70/HDTĐ với ông Trần Văn L sinh năm 1972 địa chỉ thường trú ấp Khu P, xã H H, huyện B, tỉnh Tiền Giang. Diện tích thuê đất là 2.965m^2 tại cồn Cổ Lịch thuộc ấp H, xã H H. Thời gian thuê kể từ ngày 10/8/2009 đến ngày 31/12/2020. Như vậy, theo nội dung Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 10/8/2009 của UBND huyện B quyết định cho ông Trần Văn L thuê phần đất nêu trên không có ghi tên ông Trần Văn M. Do đó, việc ông Trần Văn M đề nghị được quyền đứng tên với ông L ký hợp đồng thuê phần đất này để canh tác là không có cơ sở.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 208, 483, 484 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được tiếp tục thuê đất cùng anh Trần Văn L, yêu cầu nhận quyền thuê đất từ ngày tòa án xét xử lại, bằng thời gian của anh Lựa đã thuê trước đây là năm 2020 đến năm 2028.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu anh L phải tự xây lấp lại căn nhà kho có cấu trúc cột kèo, cây quy cách, vách ván + tường, mái tôn, nền xi măng ngang 07m, dài 10m và 03 trụ điện cao 5m x 1 tấc vuông cùng dây điện 30 tại vị trí ban đầu.

Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố về việc yêu cầu ông M chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc anh L thực hiện quyền sử dụng đất đối với phần đất 2.965m^2 thuê của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B tại ấp Khu P, xã H H, huyện B trong việc ngăn ao và nuôi thủy sản.

Về án phí :

Ông Trần Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông đã nộp 400.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 05837 ngày 13/10/2016 và 06256 ngày 04/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B nên được hoàn lại 200.000 đồng.

Hoàn lại cho anh Trần Văn L 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06088 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 16/9/2020, nguyên đơn ông Trần Văn M có đơn kháng cáo yêu cầu sửa 01 phần bản án sơ thẩm, cho ông được tiếp tục thuê phần diện tích đất 3.000m^2 tại xã H H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn anh Trần Văn L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông M.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có nhiều lập luận cho rằng kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 10/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc cho thuê đất sản xuất nông nghiệp và Hợp đồng thuê đất số 70/HĐTĐ ngày 31/8/2009 giữa Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B với anh Trần Văn L, chỉ có anh L đứng ra ký kết, không có tên ông M ký kết, không có nội dung nào thỏa thuận việc ông M và anh L đồng quyền thuê khoán đất; thẩm quyền cho thuê đất thuộc Ủy ban nhân dân huyện B. Ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của Ủy ban nhân dân huyện B và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được tiếp tục thuê đất cùng anh Trần Văn L, yêu cầu nhận quyền thuê đất từ ngày Tòa án xét xử lại bằng thời gian của anh L đã thuê trước đây là năm 2020 đến năm 2028. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng thuê đất ký kết ngày 31/8/2009 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B với anh Trần Văn L với nội dung cho anh L thuê phần đất diện tích 2.965m^2 tại cồn Cổ Lịch thuộc xã H H, huyện B với thời hạn thuê đến năm 2020, về quyền và nghĩa vụ được thực hiện theo nội dung thỏa thuận theo hợp

đồng. Theo hợp đồng trên chỉ có anh L đứng ra ký kết với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B; trong hợp đồng không có ký kết với ông M, không có nội dung nào thỏa thuận việc ông M và anh L đồng quyền thuê khoán đất. Ông M cho rằng việc đăng ký thuê đất do lúc này chỉ còn ông và anh L canh tác nên xem như ông với anh L là đồng sở hữu diện tích ao trên, là không có căn cứ về mặt pháp lý; ngoài ra ông M cho rằng đã bỏ tiền ra khai thác khoảng 3.000m^2 bãi bồi ven sông Tiền hợp tác với ông Đìa để nuôi cá da trơn xuất khẩu với hình thức ông đầu tư chi phí tạo ao, còn ông Đìa đầu tư chi phí về cá giống, thức ăn, trả lương công nhân và các chi phí phát sinh khác, khi thu hoạch có lãi chia cho ông Đìa 70%, ông M 30%, do đất ao có phần liền kề với đất của ông V nên ông chia lại ông V 15%, điều này cũng không có nội dung thể hiện ông M và anh L đồng quyền thuê phần đất trên, đến năm 2012 thì làm ăn thua lỗ nên treo ao, còn ao ở phía Đông là do anh L thuê với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, phần ao này anh L khai thác từ năm 1988, đến năm 2009 mới làm hợp đồng thuê.

Xét thấy: Vào ngày 10/8/2009, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4956/QĐ-UBND về việc cho thuê đất sản xuất nông nghiệp với nội dung cho anh Trần Văn L thuê 2.965m^2 đất tại cồn Cổ Lịch thuộc ấp H, xã H H, huyện B để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, thời gian thuê đất 12 năm kể từ ngày …tháng 7 năm 2009 đến ngày 31/12/2020; ngày 31/8/2009 Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B ký hợp đồng thuê đất số 70/HĐTĐ với anh L, vị trí ranh giới xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 1, tỷ lệ 1/500, thời gian thuê kể từ ngày 10/8/2009 đến ngày 31/12/2020, việc cho thuê không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất. Hợp đồng thuê thể hiện bên cho thuê là Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B, bên thuê là anh Trần Văn L.

Như vậy, theo nội dung Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 10/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện B quyết định cho anh Trần Văn L thuê phần đất nêu trên, không có ghi tên ông Trần Văn M; ông M thừa nhận vào năm 2009 ông biết anh L ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân huyện B để thuê ao trên, nhưng ông không tranh chấp. Do đó, việc ông Trần Văn M đề nghị được quyền đứng tên với anh L ký hợp đồng thuê phần đất này để canh tác là không có cơ sở.

Căn cứ vào Điều 59 Luật đất đai 2013 về thẩm quyền giao đất và cho thuê đất thì việc cho ông M thuê hay không là quyền quyết định của Ủy ban nhân dân huyện B và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông M là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 208, 483, 484 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được tiếp tục thuê đất cùng anh Trần Văn L, yêu cầu nhận quyền thuê đất từ ngày tòa án xét xử lại, bằng thời gian của anh Lựa đã thuê trước đây là năm 2020 đến năm 2028.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu anh L phải tự xây lấp lại căn nhà kho có cấu trúc cột kèo, cây quy cách, vách ván + tường, mái tôn, nền xi măng ngang 07m, dài 10m và 03 trụ điện cao 5m x 1 tấc vuông cùng dây điện 30 tại vị trí ban đầu.

Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố về việc yêu cầu ông M chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc anh L thực hiện quyền sử dụng đất đối với phần đất 2.965m^2 thuê của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B tại ấp Khu P, xã H H, huyện B trong việc ngăn ao và nuôi thủy sản.

2. Về án phí :

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông đã nộp 400.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 05837 ngày 13/10/2016 và số 06256 ngày 04/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; nên được hoàn lại 200.000 đồng.

Hoàn lại cho anh Trần Văn L 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06088 ngày 28/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003965

ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2020-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong